

Số/No.: 1315/2026/VietCredit-TB

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September 4, 2026

THÔNG BÁO/NOTICE

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
Issuance of Shares under the Company's Employee Stock Ownership Plan

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành/*Information on the Issuer*

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Tín Việt
Full name of the Issuer: Vietcredit General Finance Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VietCredit
Abbreviated name: VietCredit
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà V.E.T, số 98 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.
Head office address: 9th Floor, V.E.T. Building, No. 98 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi.
- Số điện thoại/*Telephone*: (84) 24. 6270 2127 Số fax: (84.24) 3270 2128
- Website: <https://www.vietcredit.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 911.783.310.000 đồng.
Charter capital: VND 911,783,310,000.
- Mã cổ phiếu/*Stock code*: TIN
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô - PGD Vĩnh Hồ
Bank where the payment account is opened: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Dong Do Branch - Vinh Ho Transaction Office
Số hiệu tài khoản/*Account No*: 1250686968
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 18/12/2023. Theo Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, từ ngày 01/07/2024 Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép được nêu tại khoản 10 Mục này).

Enterprise Registration Certificate No. 0102766770, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 02/06/2008 and amended for the 13th time on 16/01/2023. Pursuant to Article 27 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18/01/2024, from 01/07/2024, the License of Establishment and Operation of a credit institution also serves as its Enterprise Registration Certificate (the License is specified in Clause 10 of this Section).

9.1. Ngành nghề kinh doanh chính/*Principal business lines*

STT No.	Mã ngành Industry code	Ngành, nghề kinh doanh chính Principal business lines
1	6419 (Chính) (Main)	Hoạt động trung gian tiền tệ khác <i>Other monetary intermediation activities</i> <u>Chi tiết/Details:</u> - Huy động vốn dưới các hình thức sau đây/<i>Capital mobilization in the following forms:</i> - Nhận tiền gửi của tổ chức/<i>Accepting deposits from organizations;</i> - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức/<i>Issuing certificates of deposit, promissory notes, bills and bonds to mobilize funds from organizations;</i> - Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật/<i>Borrowing from domestic and foreign credit institutions and financial institutions in accordance with law;</i> - Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/<i>Borrowing from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing in accordance with the Law on the State Bank of Vietnam.</i> - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây/<i>Extending credit in the following forms:</i> - Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng; cho vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật/<i>Lending, including installment loans and consumer loans; lending to credit institutions, foreign bank branches, and domestic and foreign financial institutions in accordance with law;</i> - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng, các giấy tờ có giá khác/<i>Discounting and rediscounting negotiable instruments and other valuable papers;</i> - Bảo lãnh ngân hàng/<i>Providing bank guarantees;</i> - Phát hành thẻ tín dụng/<i>Issuing credit cards;</i> - Bao thanh toán/<i>Factoring;</i> - Cho thuê tài chính/<i>Financial leasing;</i> - Các hình thức cấp tín dụng khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)/<i>Other forms of credit extension (subject to approval by the State Bank of Vietnam).</i> - Các hoạt động khác/<i>Other activities:</i> - Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước/<i>Opening deposit accounts at the State Bank of Vietnam;</i> - Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài/<i>Opening payment accounts at commercial banks and foreign bank branches;</i> - Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối/<i>Opening accounts at foreign banks in accordance with foreign exchange laws;</i>

		- Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng/<i>Opening deposit accounts and loan management accounts for customers;</i> - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước/<i>Contributing capital and purchasing shares in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam;</i> - Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép, ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước/<i>Receiving entrusted funds from the Government, organizations and individuals to invest in production and business projects and conduct permitted credit extension activities; entrusting funds to credit institutions to extend credit in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam;</i> - Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyên nhượng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật/<i>Participating in auctions of Treasury bills; purchasing and selling negotiable instruments, Government bonds, corporate bonds, Treasury bills, State Bank bills and other valuable papers in accordance with law;</i> - Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác/<i>Underwriting Government bonds and corporate bonds; acting as an issuance agent for bonds, shares and other valuable papers;</i> - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định/<i>Conducting foreign exchange business and providing foreign exchange services in the domestic market within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam;</i> - Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm/<i>Acting as an insurance agent;</i> - Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực, ngân hàng, tài chính, đầu tư/<i>Providing consulting services in the banking, finance and investment sectors;</i> - Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng/<i>Providing customer asset management and safekeeping services;</i> - Gửi tiền, nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật/<i>Placing deposits with and accepting deposits from credit institutions and foreign bank branches in accordance with law.</i>
2	6491	Hoạt động cho thuê tài chính/ <i>Financial leasing activities</i>
3	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm/ <i>Activities of insurance agents and brokers</i> <i>Chi tiết: Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm/Details: Acting as an insurance agent</i>

9.2. Sản phẩm/dịch vụ chính/Main products/services:

- Hoạt động huy động vốn/*Capital mobilization activities:*

- + Chứng chỉ tiền gửi với kỳ hạn đa dạng (từ 01 đến 36 tháng) và phương thức trả lãi linh hoạt, phù hợp với nhu cầu dòng tiền của Khách hàng (trả lãi cuối kỳ/định kỳ hàng tháng, hàng quý,...)/*Certificates of deposit with various terms (from 1 to 36 months) and flexible interest payment methods suitable for customers' cash flow needs (interest paid at maturity, monthly, quarterly, etc.);*
 - + Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ các tổ chức kinh tế/*Acceptance of term deposits from economic organizations;*
 - + Nhận tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác/*Acceptance of deposits from and borrowings from other credit institutions.*
 - *Hoạt động cấp tín dụng/Credit extension activities:*
 - + Cho vay cá nhân/*Personal loans;*
 - + Cho vay hộ kinh doanh/*Loans to household businesses;*
 - + Cho vay doanh nghiệp/*Corporate loans;*
 - + Sản phẩm Thẻ tín dụng số, Thẻ tín dụng nội địa/*Digital credit card and domestic credit card products.*
 - *Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ/Investment in and trading of debt securities;*
 - *Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường tiền tệ/Capital trading activities in the money market.*
10. Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2023 thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính số 59/GP-NHNN và có thời hạn 50 năm kể từ ngày 29/05/2008. Giấy phép số 48/GP-NHNN được sửa đổi bởi Quyết định số 37/QĐ-TTGSNH2 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 10/02/2025, Quyết định số 159/QĐ-Cục II.6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 13/02/2025, Quyết định số 649/QĐ-QLGS6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 21/04/2025, Quyết định số 1038/QĐ-QLGS6 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 26/05/2025, Quyết định số 596/QĐ.KV1-QLGS2 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Khu vực 1 ban hành ngày 28/07/2026.

License of Establishment and Operation No. 48/GP-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 06/11/2023, replacing License of Establishment and Operation of Finance Company No. 59/GP-NHNN, with a term of 50 years from 29/05/2008. License No. 48/GP-NHNN was amended by Decision No. 37/QĐ-TTGSNH2 issued by the State Bank of Vietnam on 10/02/2025, Decision No. 159/QĐ-Cục II.6 issued by the State Bank of Vietnam on 13/02/2025, Decision No. 649/QĐ-QLGS6 issued by the State Bank of Vietnam on 21/04/2025, Decision No. 1038/QĐ-QLGS6 issued by the State Bank of Vietnam on 26/05/2025, and Decision No. 596/QĐ.KV1-QLGS2 issued by the State Bank of Vietnam - Region 1 Branch on 28/07/2026.

II. Mục đích phát hành/*Purpose of the Issuance*

Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty nhằm mục đích/*The Company's share issuance plan under the Employee Stock Ownership Plan is intended to:*

- Ghi nhận sự đóng góp của người lao động đối với Công ty/*Recognize employees' contributions to the Company;*
- Tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/*Motivate employees to*

perform their duties with excellence;

- Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của những người lao động, nhân viên cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty/*Encourage and enhance the roles, responsibilities and benefits of employees in jointly striving for and sharing in the Company's success;*
- Thu hút và giữ chân những nhân viên chủ chốt, tâm huyết, giàu năng lực chuyên môn và kinh nghiệm/*Attract and retain dedicated key employees with strong professional capabilities and experience.*
- Ngoài ra phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2025 cũng sẽ góp phần vào tiến trình tăng vốn điều lệ của VietCredit để đảm bảo nhu cầu và kế hoạch kinh doanh của Công ty/*In addition, the share issuance plan under the 2025 ESOP will contribute to VietCredit's charter capital increase in order to meet the Company's business needs and plans.*

III. Phương án phát hành

Issuance Plan

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty Tài chính Tổng hợp cổ phần Tín Việt
Name of shares: Shares of Vietcredit General Finance Joint Stock Company
2. Loại cổ phiếu/*Type of shares*: Cổ phiếu phổ thông/*Ordinary shares*
3. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 91.178.331 cổ phiếu.
Total number of shares issued: 91,178,331 shares.
4. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 91.178.331 cổ phiếu.
Number of outstanding shares: 91,178,331 shares.
5. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
Number of treasury shares: 0 shares.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 911.000 cổ phiếu.
Number of shares proposed to be issued: 911,000 shares.
7. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.110.000.000 đồng.
Total par value of the issuance: VND 9,110,000,000.
8. Tỷ lệ phát hành: 0,999% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
Issuance ratio: 0.999% of the total number of outstanding shares.
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động)/*Transfer restriction period: The issued shares will be subject to a transfer restriction for one year from the closing date of the issuance (being the final date for collecting employees' share subscription payments).*
10. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Issue price: VND 10,000 per share.
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu/*Escrow account for receiving share subscription payments:*



- Số tài khoản/Account No.: 0043333898989
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội
Opened at: Viet Capital Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch
12. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 07/09/2026 đến ngày 18/09/2026
Period for receiving share subscription payments: From 07/09/2026 đến ngày 18/09/2026

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

Hanoi, September 4, 2026

CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN TÍN VIỆT
VIETCREDIT GENERAL FINANCE JOINT STOCK COMPANY

Tổng Giám đốc/CEO



HỒ MINH TÂM

